

Số: **287**/BC-UBND

Đại Lộc, ngày **08** tháng **10** năm 2019

**BÁO CÁO**

**Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách  
địa phương 9 tháng đầu năm 2019**

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và thực hiện Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND huyện công khai tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2019, như sau:

**I. NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

Ước thực hiện tổng thu ngân sách 9 tháng đầu năm 2019 trên địa bàn là 820.284 triệu đồng, đạt 90% dự toán HĐND huyện giao, cụ thể:

**Thu nội địa:** Ước thu nội địa 9 tháng đầu năm 2019 là 187.938 triệu đồng, đạt 76% so với dự toán.

**II. VỀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2019 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện giao là 822.110 triệu đồng. Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 605.507 triệu đồng, cụ thể:

**1. Chi cân đối ngân sách:** Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019 là 605.507 triệu đồng, đạt 74% dự toán giao, trong đó:

a) Chi đầu tư phát triển: Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019 là 118.119 triệu đồng, đạt 91% so với dự toán được giao.

b) Chi thường xuyên: Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 là 478.782 triệu đồng, đạt 70%, các nhiệm vụ chi đều thực hiện đúng dự toán được giao.

**2. Chi tạm ứng ngân sách:** Ước thực hiện 9 tháng năm 2019 là 8.606 đồng.

*(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm)*

UBND huyện công bố công khai để các cơ quan, đơn vị biết theo dõi, chỉ đạo và thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam;
- TTHU, HĐND, UBNDTTQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, Ban, ngành thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VTLT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỖ TỊCH**



**Trần Văn Mai**



### ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

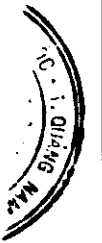
Kèm theo Báo cáo số UX/BC-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	B	1	2	3=2/1	4	
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>912.043</b>	<b>820.284</b>	<b>90%</b>	<b>110%</b>	
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>247.330</b>	<b>187.938</b>	<b>76%</b>	<b>96%</b>	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	12.040	6.583	55%	91%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	728		153%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	126.840	83.342	66%	98%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	18.200	22.028	121%	174%	
5	Thuế bảo vệ môi trường	4.200	2.246	53%	96%	
6	Lệ phí trước bạ	19.800	21.893		142%	
7	Thu phí, lệ phí	5.600	5.018	90%	103%	
8	Các khoản thu về nhà, đất	47.700	24.916	52%	46%	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		36		100%	
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	500	588	118%	136%	
-	Thu tiền sử dụng đất	40.000	17.878	45%	36%	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	7.200	6.414	89%	156%	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
9	Thu từ cấp quyền KTKS	6.550	9.074	139%	130%	
10	Thu khác ngân sách	3.400	8.389	247%	157%	
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	3.000	780	26%	48%	
12	Các khoản huy động, đóng góp		2.941		319%	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>					
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách dưới nộp lên</b>		905		29%	
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		132.906		161%	
<b>V</b>	<b>Thu tạm ứng</b>					
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư</b>					



VII	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	664.713	498.535	75%	108%	
B	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>157.397</b>	<b>86.954</b>	<b>55%</b>	<b>64%</b>	
1	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	91.856	54.599	59%	58%	
2	Từ các khoản thu phân chia theo tỉ lệ	65.541	32.355	49%	78%	





**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 287/BC-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Đại Lộc)

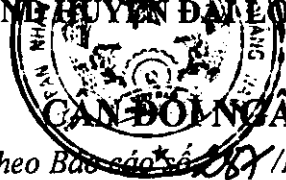
Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước	
A	B	1	2	3=2/1	4	
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>822.110</b>	<b>605.507</b>	<b>74%</b>	<b>103%</b>	
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	822.110	605.507	74%	103%	
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>130.315</b>	<b>118.119</b>	91%	100%	
1	Chi XDCB tập trung trong nước	90.315	72.988	81%	165%	
2	Chi XDCB từ nguồn SD đất	40.000	21.344	53%	63%	
3	Chi từ nguồn vượt thu					
4	Chi từ nguồn NSTW		16.379			
5	Chi từ nguồn MTQG giảm nghèo		263			
6	Nguồn vốn TPCP					
7	Chi từ nguồn vốn khác		7.145			
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>682.711</b>	<b>478.782</b>	<b>70%</b>	<b>105%</b>	
	<i>Trong đó:</i>					
1	Chi Quốc phòng	6.837	7.829	115%	111%	
2	Chi an ninh	3.311	3.711	112%	94%	
3	Chi SN giáo dục	316.516	216.709	68%	99%	
4	Chi sự nghiệp đào tạo				0%	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số KHHGĐ	13.488	9.455	70%	121%	
6	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	400	50	13%	94%	
7	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.756	5.986	159%	140%	
8	Chi SN phát thanh truyền hình	2.002	728	36%	48%	
9	Chi SN thể dục thể thao	3.142	1.539	49%	96%	
10	Chi đảm bảo xã hội	101.229	74.743	74%	92%	
11	Chi sự nghiệp kinh tế	97.261	51.613	53%	143%	
12	Chi sự nghiệp môi trường	6.005	2.966	49%	124%	
13	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	126.638	88.707	70%	108%	
14	Chi trợ giá, trợ cước					
15	Chi khác	2.126	14.746	694%	132%	
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>9.084</b>	<b>0</b>			



	khoáng sản					
V	Chi nộp ngân sách cấp trên					
VI	Chi tạm ứng NS					
			8.606			
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia					Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên và từng lĩnh vực của đầu tư
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên





## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 08/BC-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện Đại Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh ước thực hiện với (%)		Ghi chú
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm	
A	B	1	2	3=2/1	4	
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>822.110</b>	<b>789.162</b>	<b>96%</b>	<b>116%</b>	
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>822.110</b>	<b>655.351</b>	<b>80%</b>	<b>110%</b>	
1	Thu nội địa	157.397	156.816	100%	116%	
2	Thu bổ sung cân đối NSNN	664.713	498.535	75%	108%	
3	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>132.906</b>		<b>161%</b>	
<b>III</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới</b>		<b>905</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>822.110</b>	<b>605.507</b>	<b>74%</b>	<b>103%</b>	
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>822.110</b>	<b>596.901</b>	<b>73%</b>	<b>104%</b>	
1	Chi đầu tư phát triển	130.315	118.119	91%	100%	
2	Chi thường xuyên	682.711	478.782	70%	105%	
3	Dự phòng ngân sách	9.084				
4	Chi từ nguồn thu Phí bảo vệ môi trường, khoáng					
<b>II</b>	<b>Chi tạm ứng ngân sách</b>		<b>8.606</b>		<b>112%</b>	
<b>III</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>				<b>0%</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>0</b>				Khi chi thể hiện từng sự nghiệp của thường xuyên và từng lĩnh vực của đầu tư